

<p>- Giữ vệ sinh cơ quan bài tiết nước tiểu giúp cho bộ phận ngoài của cơ quan bài tiết nước tiểu sạch sẽ, không hôi hám, không ngứa ngáy, không bị nhiễm trùng.</p> <p style="text-align: center;">Bước 2</p> <p>- Giáo viên yêu cầu một số cặp học sinh lên trình bày kết quả thảo luận</p> <p>*Kết luận : Giữ vệ sinh cơ quan bài tiết nước tiểu để tránh bị nhiễm trùng.</p> <p>*Hoạt động 2: Quan sát và thảo luận</p> <p>*Mục tiêu : Nêu được cách đề phòng một số bệnh ở cơ quan bài tiết nước tiểu</p> <p style="text-align: center;">Bước 1 : Làm việc theo cặp</p> <p>- Học sinh quan sát tranh và nêu ý kiến của mình.</p> <p style="text-align: center;">Bước 2 : Làm việc cả lớp</p> <p>- Giáo viên gọi một số cặp lên trình bày trước lớp.</p> <p>- Tiếp theo, giáo viên yêu cầu cả lớp cùng thảo luận một số câu hỏi gợi ý sau:</p> <p>+ Chúng ta phải làm gì để giữ vệ sinh bộ phận bên ngoài của cơ quan bài tiết nước tiểu?</p> <p>+ Tại sao hằng ngày chúng ta cần uống đủ nước?</p> <p>- Giáo viên yêu cầu học sinh liên hệ xem các em có thường xuyên tắm rửa sạch sẽ thay quần áo đặc biệt quần áo lót, có uống đủ nước và không nhịn đi tiểu hay không?</p> <p>4. Củng cố - Dặn dò:</p> <p>- Học sinh đọc lại ghi nhớ bài vừa học.</p> <p>- Xem lại bài học trang 25.</p> <p>- Chuẩn bị bài : Cơ quan thần kinh.</p>	<p>nước tiểu sạch sẽ, không hôi hám, không ngứa ngáy, không bị nhiễm trùng ,....</p> <p>- Học sinh trình bày kết quả thảo luận của mình.</p> <p>- Học sinh nhắc lại ghi nhớ .</p> <p>- Từng cặp học sinh cùng quan sát các hình 2,3,4,5 trang 25 sách giáo khoa và nói xem các bạn trong hình đang làm gì?</p> <p>- Các học sinh khác góp ý bổ sung</p> <p>- Tắm rửa thường xuyên, lau khô người trước khi mặc quần áo; Hằng ngày thay quần áo, đặc biệt là quần áo lót.</p> <p>- Chúng ta cần uống đủ nước cho quá trình mất nước do việc thải nước tiểu ra hằng ngày; Để tránh bệnh sỏi thận....</p> <p>- HS trả lời.</p> <p>- HS đọc bài.</p> <p>- Lắng nghe.</p>
--	--

Thủ công

Bài 3: Gấp, cắt, dán ngôi sao và lá cờ đỏ sao vàng (tiết 2)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Kiến thức:

- Học sinh củng cố cách gấp, cắt, dán ngôi sao năm cánh và lá cờ đỏ sao vàng.

2. Kỹ năng:

- Gấp, cắt, dán được ngôi sao năm cánh và lá cờ đỏ sao vàng đúng qui trình kĩ thuật.

3. Thái độ:

- Yêu thích sản phẩm gấp, cắt, dán.

II. CHUẨN BỊ :

1. Giáo viên :

- Mẫu lá cờ đỏ sao vàng làm bằng giấy thủ công.

- Giấy thủ công màu đỏ, màu vàng và giấy nháp.

- Tranh qui trình gấp, cắt, dán lá cờ đỏ sao vàng.

2. Học sinh :

- Đồ dùng học tập.

III. HOẠT ĐỘNG LÊN LỚP:

<i>Hoạt động của giáo viên</i>	<i>Hoạt động của học sinh</i>
<p>1. Khởi động: Hát bài hát</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ : Kiểm tra đồ dùng học tập.</p> <p>3. Bài mới:</p> <p>*Giới thiệu: Tiết hôm nay, các em tiếp tục gấp, cắt dán ngôi sao năm cánh và hình thành lá cờ đỏ sao vàng.</p> <p>*Hoạt động 1: Củng cố cách gấp, cắt ngôi sao năm cánh và lá cờ đỏ sao vàng.</p> <p>- GV cho HS nhắc lại các bước gấp cắt ngôi sao và lá cờ đỏ sao vàng.</p> <p><u>Bước 1</u>: Gấp giấy để cắt ngôi sao vàng năm cánh.</p> <p>- Giáo viên lấy giấy thủ công màu vàng hướng dẫn học sinh gấp ngôi sao năm cánh.</p>	<p>- Học sinh nghe giáo viên giới thiệu bài .</p> <p>- HS nhắc lại các bước gấp cắt ngôi sao năm cánh và lá cờ đỏ sao vàng.</p>

<p>+ Bước 2: Cắt ngôi sao vàng 5 cánh. + Bước 3: Dán ngôi sao vàng 5 cánh vào tờ giấy màu đỏ để được lá cờ đỏ sao vàng. - GV cho HS thao tác lại cách gấp ngôi sao năm cánh. * Hoạt động 2: Thực hành. + Bước 1: HS thực hành. - GV cho HS thực hành theo nhóm 4. - GV quan sát giúp đỡ học sinh còn lúng túng. - Nhắc các em cẩn thận khi sử dụng kéo + Bước 2: Trưng bày sản phẩm. - GV cho HS các nhóm trưng bày sản phẩm trên bảng. - GV nhận xét sản phẩm của HS. - Nhắc nhở HS vệ sinh sạch sẽ khi làm xong. 3. Củng cố – Dặn dò: - Học sinh nhắc lại cách gấp, cắt, dán ngôi sao. - Tập gấp, cắt, dán ngôi sao cho đều. - Nhận xét tiết học. - Chuẩn bị đồ dùng cho tiết học sau.</p>	<p>- Một HS lên bảng thao tác lại cách gấp ngôi sao năm cánh. - Học sinh tập gấp, cắt, dán ngôi sao vàng 5 cánh. - HS trưng bày sản phẩm. - HS nhận xét. - HS nhắc lại. - HS lắng nghe và ghi nhớ.</p>
---	---

Thứ tư ngày 12 tháng 10 năm 2016

Tập viết

Ôn chữ hoa D, Đ

Bài 6:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

- Củng cố cách viết chữ viết hoa D, Đ thông qua bài tập ứng dụng.
- Viết tên riêng **Kim Đồng** bằng chữ cỡ nhỏ.
- Viết câu ứng dụng : Dao có mài mới sắc, người có học mới khôn.

II. CHUẨN BỊ :

1. Giáo viên: Mẫu chữ viết hoa D, Đ.
 Tên riêng **Kim Đồng** và câu tục ngữ viết trên dòng kẻ ô li.
2. Học sinh: Bảng con, phấn, vở.

III. HOẠT ĐỘNG LÊN LỚP:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: Hát bài hát 2. Kiểm tra bài cũ: Giáo viên kiểm tra học sinh viết bài ở	- HS để bài viết cho GV kiểm tra.

<p>nhà. Sau đó, mời 3 học sinh viết bảng lớp, cả lớp viết bảng con các tiếng : Chim, Người...</p> <p>3. Bài mới:</p> <p>*Giới thiệu bài:</p> <p>Tiết hôm nay, chúng ta tiếp tục ôn chữ hoa D, Đ.</p> <p>Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh viết trên bảng con.</p> <p>+ Bước 1: Luyện viết chữ hoa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS nêu các chữ hoa có trong bài. - GV giới thiệu mẫu chữ. - Cho HS nêu cấu tạo các con chữ. - GV viết mẫu, kết hợp nhắc lại cách viết từng chữ. - Cho HS viết bảng con. <p>+ Bước 2: Luyện viết từ ứng dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên giới thiệu: Kim Đồng là một trong những người đội viên đầu tiên của đội TNTPHCM. Anh tên thật là Nông Văn Dền, quê ở Nà Mạ, Hà Quảng, Cao Bằng. - Cho HS nêu độ cao các con chữ. - GV viết mẫu, cho HS viết bảng con. <p>+ Bước 3: Luyện viết câu ứng dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc câu ứng dụng và giúp học sinh hiểu lời khuyên của câu tục ngữ: Con người phải chăm học mới khôn ngoan, trưởng thành. - Cho HS nêu chữ hoa có trong câu ứng dụng, độ cao, khoảng cách các con chữ. - Cho HS viết bảng con chữ hoa. <p>* Hoạt động 2 : Viết vào vở tập viết</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bước 1: Giáo viên nêu yêu cầu của bài. + Viết chữ D : 1 dòng + Viết các chữ Đ, K : 1 dòng + Viết tên riêng Kim Đồng : 1 dòng + Viết câu tục ngữ : 1 lần 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nghe giáo viên giới thiệu bài. - Học sinh tìm các chữ hoa có trong bài: D, Đ, K. - Học sinh tập viết chữ K, D, Đ trên bảng con. - Học sinh đọc từ ứng dụng: Kim Đồng. - Nêu độ cao các con chữ. - Học sinh tập viết từ ứng dụng trên bảng con. - Học sinh đọc câu ứng dụng Đao có mài mới sắc, người có học mới khôn. - HS nêu chữ hoa, và độ cao, khoảng cách các con chữ. - Học sinh tập viết trên bảng con các chữ: Đao - Học sinh viết vào vở tập viết
---	--

<p>- Giáo viên theo dõi hướng dẫn các em viết đúng nét, đúng độ cao khoảng cách giữa các chữ.</p> <p>+ Bước 2: Giáo viên chữa bài</p> <p>- Giáo viên kiểm tra vi bài .</p> <p>- Giáo viên nhận xét bài viết của học sinh.</p> <p>4. <u>Củng cố – Dặn dò:</u></p> <p>- Giáo viên nhận xét tiết học.</p> <p>- Giáo viên nhắc học sinh luyện viết phần bài ở nhà: khuyến khích học sinh học thuộc lòng câu ứng dụng.</p> <p>- Chuẩn bị bài: Ôn chữ hoa E,Ê</p>	<p>- Học sinh nhận xét bài viết của các bạn.</p> <p>- HS lắng nghe, ghi nhớ.</p>
--	--

Luyện từ và câu

Bài 6 : **Từ ngữ về trường học – Dấu phẩy**

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Mở rộng vốn từ về trường học qua bài tập giải ô chữ.
2. Ôn tập về dấu phẩy (Đặt giữa các thành phần đồng chức).

II. CHUẨN BỊ :

1. Giáo viên: Ba tờ phiếu khổ to kẻ sẵn ô chữ ở bài tập 1
Bảng lớp viết 3 câu văn ở bài tập 2 (Theo hàng ngang)
2. Học sinh: Vở, sách giáo khoa

III. HOẠT ĐỘNG LÊN LỚP:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động: Hát bài hát</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ :</p> <p>- Gọi 2 học sinh làm miệng các bài tập 1 và 3.</p> <p>3. Bài mới:</p> <p>*Giới thiệu bài: Tiết hôm nay, các em sẽ được mở rộng vốn từ về trường học qua một bài tập rất thú vị. Bài tập giải ô chữ các em đã được làm quen từ lớp 2. Sau đó, các em sẽ làm một bài tập ôn luyện về dấu phẩy.</p> <p>* Hoạt động 1 : Giải ô chữ: Bài tập 1</p> <p>- Giáo viên ghi bảng, nhắc lại từng bước</p>	<p>- Học sinh nghe giáo viên giới thiệu bài.</p>

<p>thực hiện bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bước 1: Hướng dẫn mẫu. - Dựa theo lời gợi ý, các em phải đoán từ đó là từ gì. - Cho HS điền mẫu. + Bước 2: GV phát phiếu cho HS trao đổi tìm từ cần tìm ghi từ vào các ô trống theo hàng ngang. + Bước 3: Giáo viên Cho đại diện nhóm dán lên bảng lớp 3 tờ phiếu đã hoàn thành. - Cả lớp và giáo viên nhận xét, sửa chữa, kết luận nhóm thắng cuộc. *Hoạt động 2: Thêm dấu phẩy vào chỗ thích hợp. <p style="text-align: center;">Bài tập 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu. - Hướng dẫn HS làm mẫu câu a. - Cho HS trao đổi làm vào vở bài tập. <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên mời 3 học sinh lên bảng đã viết 3 câu văn, điền dấu phẩy vào chỗ thích hợp. - Cả lớp và giáo viên nhận xét chốt lại lời giải đúng. <p>4. Củng cố – dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét chung tiết học. - Giáo viên yêu cầu học sinh về tìm và giải các ô chữ trên những tờ báo hoặc tạp chí dành cho thiếu nhi. - Chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Một vài học sinh tiếp nối nhau đọc yêu cầu của bài tập. Cả lớp đọc thầm theo, quan sát ô chữ và chữ điền mẫu (LÊN LỚP) - HS thảo luận nhóm. <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày kết quả thảo luận. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm - Học sinh làm bài trên bảng. <ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp chữa bài theo lời giải đúng: <ul style="list-style-type: none"> a/ Ông em, bố em và chú em đều là thợ mỏ. b/ Các bạn mới được kết nạp vào Đội đều là con ngoan, trò giỏi. c/ Nhiệm vụ của đội viên là thực hiện 5 điều Bác dạy, tuân theo Điều lệ Đội và giữ gìn danh dự Đội. <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe và ghi nhớ.
---	--

Toán

Bài 28:

Luyện tập

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Thực hiện phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số (chia hết ở các lượt chia)

2. Kỹ Năng:

- Tìm một phần bằng nhau của một số.
- Giải bài toán có liên quan đến tìm một phần mấy của một số.

3. Thái độ:

- Ham thích học môn toán.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên : Sách giáo khoa
2. Học sinh : Vở, sách giáo khoa, bảng con .

III. HOẠT ĐỘNG LÊN LỚP:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh				
<p>1. Khởi động: Hát bài hát</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <p>3. Bài mới:</p> <p>*Giới thiệu bài: Các em sẽ thực hiện luyện tập phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số.</p> <p>* Hoạt động: Hướng dẫn luyện tập</p> <p style="text-align: center;">Bài 1:</p> <p>a/ GV ghi bảng nêu yêu cầu của bài 1a và yêu cầu học sinh làm bài .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS lên bảng làm bài. - Yêu cầu từng học sinh vừa lên bảng nêu rõ cách thực hiện phép tính của mình. Học sinh cả lớp theo dõi để nhận xét bài của bạn. 	<p>- Học sinh nghe giáo viên giới thiệu bài.</p> <p>- HS đọc yêu cầu của bài.</p> <p>- 4 học sinh lên bảng làm bài, học sinh cả lớp làm vở .</p> <p>- Học sinh nêu cách thực hiện</p>				
	<table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 0 10px;">48</td> <td style="padding: 0 10px;">2</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 0 10px;">4</td> <td style="padding: 0 10px;">24</td> </tr> </table>	48	2	4	24
48	2				
4	24				

<p>b/ Hướng dẫn học sinh: * 4 không chia được cho 6 lấy cả 42 chia 6 được 7, viết 7, 7 nhân 6 bằng 42 ; 42 trừ 42 bằng 0. - Cho HS làm các phần còn lại.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài 2:</u></p> <p>- Yêu cầu học sinh nêu cách tìm một phần tư của một số. - Cho HS làm bài. - Giáo viên sửa bài và nhận xét.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài 3</u></p> <p>- Gọi 1 học sinh đọc đề bài - Bài toán cho biết gì? - Bài toán yêu cầu gì? - Yêu cầu học sinh suy nghĩ và tự làm bài. - Giáo viên sửa bài và nhận xét</p> <p>4. <u>Củng cố – Dặn dò:</u> - Học sinh nhắc lại cách thực hiện phép chia hai số cho một số - Về nhà luyện tập thêm về phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số - Chuẩn bị bài : Phép chia hết và phép chia có dư.</p>	<p>08 $\frac{8}{0}$</p> <p>- HS theo dõi GV hướng dẫn.</p> $\begin{array}{r l} 42 & 6 \\ \underline{42} & 7 \\ 0 & \end{array}$ <p>- HS nêu y/c.</p> <p>- 3 học sinh lên bảng làm bài, học sinh cả lớp làm bảng con.</p> <p>- HS đọc bài.</p> <p>- 1 học sinh lên bảng làm bài, học sinh cả lớp làm bài vào vở.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> <p>My đã đọc được số trang sách là: $84 : 2 = 42$ (trang) Đáp số : 42 trang</p> <p>- HS nêu.</p> <p>- Lắng nghe và ghi nhớ.</p>
--	--

Tự nhiên – xã hội

Cơ quan thần kinh

Bài 10:

I. MỤC TIÊU :

- Học sinh biết kể tên, chỉ trên sơ đồ các bộ phận của cơ quan thần kinh.
- Nêu vai trò của não, tủy sống, các dây thần kinh và các giác quan.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

GV : Hình cơ quan thần kinh phóng to

HS : Sách giáo khoa

III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động: Hát bài hát</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ: + Đề bảo vệ và giữ vệ sinh cơ quan bài tiết nước tiểu ta phải làm gì ?</p> <p>3. Bài mới: *Giới thiệu: Hôm nay chúng ta tìm hiểu các bộ phận của cơ quan thần kinh qua bài: Cơ quan thần kinh. *Hoạt động 1: Quan sát *Mục tiêu : Kể tên và chỉ được vị trí các bộ phận của cơ quan thần kinh trên sơ đồ. * Bước 1: Làm việc theo nhóm - Nhóm trưởng điều khiển các bạn quan sát cơ quan thần kinh ở hình 1 và hình 2 trang 26, 27 SGK và trả lời câu hỏi: + Chỉ và nói tên các bộ phận của cơ quan thần kinh trên sơ đồ . + Trong các cơ quan đó, cơ quan nào được bảo vệ bởi hộp sọ, cơ quan nào được bảo vệ bởi cột sống. + Sau khi chỉ trên sơ đồ , nhóm trưởng đề nghị các bạn chỉ vị trí của bộ não , tuỷ sống trên cơ thể mình hoặc cơ thể bạn +Bước 2 : Làm việc cả lớp - Yêu cầu học sinh lên bảng chỉ trên sơ đồ các bộ phận của cơ quan thần kinh. - Giáo viên giảng : Từ não và tuỷ sống có các dây thần kinh toả đi khắp nơi của cơ thể. Từ các cơ quan bên trong của cơ thể có các dây thần kinh về tuỷ sống và não. *Kết luận: Cơ quan thần kinh gồm có bộ não(nằm trong hộp sọ), tuỷ sống, (nằm trong cột sống) và các dây thần kinh. *Hoạt động 2 : Thảo luận *Mục tiêu : Nêu được vai trò của não,tuỷ sống, các dây thần kinh và các giác quan *Bước 1 : Chơi trò chơi - GV cho HS chơi trò chơi “ con thỏ” - Kết thúc trò chơi, giáo viên hỏi học</p>	<p>- HS trả lời.</p> <p>- Học sinh nghe giáo viên giới thiệu bài.</p> <p>- Học sinh quan sát sơ đồ cơ quan thần kinh trang 26, 27 và trả lời theo các câu hỏi gợi ý . - Học sinh chỉ và nói tên các cơ quan thần kinh trên sơ đồ .</p> <p>- Học sinh thực hành trên cơ thể mình .</p> <p>- Học sinh thực hành trên bảng</p> <p>- Học sinh theo dõi giáo viên giảng bài .</p> <p>- Học sinh nhắc lại ghi nhớ theo sự hướng dẫn của giáo viên</p>

<p>sinh: Các em đã sử dụng những giác quan nào để chơi? <i>*Bước 2</i> : Thảo luận nhóm - Các nhóm trưởng điều khiển các bạn trong nhóm đọc mục: Bạn cần biết ở trang 27 SGK và lên hệ với những quan sát trong thực tế để trả lời theo gợi ý: + Não và tuỷ sống có vai trò gì ? + Nêu vai trò của các dây thần kinh và các giác quan. + Điều gì sẽ xảy ra nếu não hoặc tuỷ sống, các dây thần kinh hay một trong các giác quan bị hỏng. +<i>Bước 3</i> : Làm việc cả lớp - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. Mỗi nhóm chỉ trình bày phần trả lời một câu hỏi. - GV nhận xét kết luận. 4. Củng cố - Dặn dò: - Gọi 3 học sinh đọc phần bạn cần biết. - Tập quan sát và chỉ các cơ quan thần kinh trên cơ thể. - Chuẩn bị bài : Hoạt động thần kinh</p>	<p>- Học sinh cả lớp tham gia trò chơi. - Học sinh chia nhóm ,đọc phần: Bạn cần biết SGK –Trang 27. - Trả lời câu hỏi. - Các nhóm tham gia trả lời các câu hỏi. - HS đọc. - Lắng nghe ghi nhớ.</p>
--	--

Thứ năm ngày 13 tháng 10 năm 2016

Chính tả

Bài 12: **Nhớ lại buổi đầu đi học**

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Rèn kĩ năng viết chính tả:

- Nghe viết, trình bày đúng đoạn văn trong bài: Nhớ lại buổi đầu đi học.
- Biết viết hoa các chữ đầu dòng, đầu câu; ghi đúng các dấu câu.

2. Phân biệt được cặp vần khó *eo/oeo*, phân biệt cách viết một số tiếng có vần dễ lẫn *ươn / ương* .

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Bảng lớp viết bài tập 2.
2. Học sinh : Vở , bảng con

III. HOẠT ĐỘNG LÊN LỚP:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: Hát bài hát	

<p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 3 học sinh viết bảng lớp, cả lớp viết bảng con những từ ngữ sau: khoeo chân, xanh xao, giếng sâu, lẻo khoẻo, nững nịu, khoẻ khoắn. <p>3. Bài mới:</p> <p>*Giới thiệu bài:</p> <p>Tiết hôm nay, các em viết chính tả bài: Nhớ lại buổi đầu đi học.</p> <p>*Hoạt động 1 : Hướng dẫn nghe, viết</p> <p>*Bước 1: Hướng dẫn học sinh chuẩn bị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc 1 lần đoạn văn sẽ viết chính tả. - Gọi HS đọc bài. + Đoạn văn có mấy câu? + Những chữ nào cần viết hoa? + Đoạn viết có những dấu câu nào? <p>* Bước 2: Luyện viết từ khó</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận xét một số từ khó. - Giáo viên hướng dẫn học sinh luyện viết một số từ khó. <p>* Bước 3: Học sinh viết vào vở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc cho học sinh viết chính tả. - Giáo viên đọc lại cả câu cho học sinh dò và sửa bài. - Trong khi học sinh viết giáo viên theo dõi và nhắc nhở các em tư thế ngồi và rèn chữ . - Giáo viên bài và nhận xét. <p>*Hoạt động 2 : Hướng dẫn học sinh làm bài tập chính tả.</p> <p style="text-align: center;">Bài tập 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nêu yêu cầu của bài - Giáo viên mời 2 học sinh lên bảng điền vào <i>eo/oeo</i> , sau đó đọc kết quả. - Cả lớp và giáo viên nhận xét về chính tả phát âm, chốt lại lời giải đúng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS viết bài. - Học sinh nghe giáo viên giới thiệu bài. - Một học sinh đọc lại đoạn viết chính tả. - HS trả lời câu hỏi của GV. - Học sinh nhận xét các từ khó - Học sinh viết bảng con các từ khó. - Học sinh viết bài chính tả vào vở - Học sinh dò bài và đổi vở để kiểm tra chéo. - HS sửa lỗi. - Học sinh nêu yêu cầu bài tập. - Cả lớp làm bài vào vở - 1 học sinh đọc lại kết quả. đường ngoằn ngoèo, nhà nghèo cười ngặt nghẽo, ngoẻo đầu
--	---

<p style="text-align: center;">Bài tập 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chọn cho học sinh làm bài 3b. - Giúp học sinh nắm vững yêu cầu của bài tập. - Cho HS trao đổi theo cặp. - Cho HS viết vào bảng con. - Cả lớp và giáo viên nhận xét, chốt lại lời giải đúng. <p>4. Củng cố – Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét tiết học. - Dặn học sinh chú ý khắc phục lỗi chính tả còn mắc phải khi viết bài chính tả. - Viết lại những chữ còn sai để rèn lại cho đúng. - Chuẩn bị bài :Trận bóng dưới lòng đường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp chữa bài theo lời giải đúng - HS lắng nghe y/ c. - Hai học sinh làm bài trên bảng. Cả lớp làm bảng con. - Học sinh chữa bài theo lời giải đúng mướn, thương, nướng - HS lắng nghe. - Nghe và thực hiện.
---	--

Luyện thm Tiếng Việt

Bi: **Luyện viết: Ngày khai trường**

I. MỤC TIÊU:

Rèn kĩ năng viết chính tả:

- Nghe, viết chính xác một đoạn trong bài: Ngày khai trường.
- Viết đúng những tiếng có vần dễ lẫn: ươn/ương.
- * HS tìm được hình ảnh so sánh trong bi.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: - Bảng phụ .
2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG LÊN LỚP

1. Khởi động: Hát bài hát
2. Bài mới:

*Giới thiệu bài:

Tiết hôm nay, chúng ta viết một đoạn văn trong bài: Ngày khai trường.

- *Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh nghe viết chính tả.
- *Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh làm bài tập chính tả.

Bài tập 3 – BTCKN - 28:

- Giáo viên chọn cho học sinh lớp làm bài tập 3b.
- * HS tìm cc hình ảnh so sánh trong bi.

4. Củng cố – Dặn dò:

- Giáo viên nhận xét tiết học, yêu cầu học sinh xem lại bi.
- Nhắc HS về nhà viết lại bài.

Toán

BÀI 29: **Phép chia hết và phép chia có dư**

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Kiến thức :
 - Học sinh nhận biết phép chia hết và phép chia có dư.
2. Kỹ Năng :
 - Nhận biết số dư luôn luôn phải nhỏ hơn số chia.
3. Thái độ :
 - Ham thích học môn toán.

II. CHUẨN BỊ :

1. Giáo viên: Sách giáo khoa
2. Học sinh: Vở toán , bảng con ,sách giáo khoa.

III. HOẠT ĐỘNG LÊN LỚP:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: Hát bài hát 2. Kiểm tra bài cũ: 3. Bài mới: * Giới thiệu bài: Hôm nay,các em thực hiện phép chia hết và phép chia có dư. * Hoạt động 1: Giới thiệu phép chia hết và phép chia có dư . *Phép chia hết: - Nêu bài toán: Có 8 chấm tròn, chia đều thành hai nhóm. Hỏi mỗi nhóm có mấy chấm tròn? - GV ghi bảng hướng dẫn đặt tính. $\begin{array}{r} 8 \overline{) 2} \\ \underline{8} \\ 0 \end{array}$ - 8 chia 2 được mấy dư mấy? - Vậy ta nói $8 : 2$ là phép chia hết Ta viết $8 : 2 = 4$, đọc là tám chia hai bằng bốn *Phép chia có dư :	- Học sinh nghe giáo viên giới thiệu bài . - Học sinh trả lời trước lớp: - Mỗi nhóm có 4 chấm tròn. - $8 : 2 = 4$ (tám chia) - 8 chia 2 không thừa, ta nói $8 : 2 = 4$ chấm tròn

<p>- Nêu bài toán: Có 9 chấm tròn, chia thành hai nhóm đều nhau. Hỏi mỗi nhóm được nhiều nhất mấy chấm tròn và còn thừa ra mấy chấm tròn?</p> <p>- Hướng dẫn học sinh thực hiện phép chia $9 : 2$</p> <p>- GV cho HS đặt tính và thực hiện.</p> <p>- Vậy ta nói $9 : 2$ là phép chia có dư. Ta viết $9 : 2 = 4$ (dư 1) và đọc là chín chia hai được bốn, dư một .</p> <p>*Hoạt động 2 : Luyện tập, thực hành</p> <p style="text-align: center;">Bài 1</p> <p>- Nêu yêu cầu bài toán, - Cho HS lên bảng làm bài. - Yêu cầu từng học sinh vừa lên bảng nêu rõ cách thực hiện phép tính của mình. - Học sinh cả lớp theo dõi để nhận xét bài của bạn. - Các phép chia trong bài toán này được gọi là phép chia hết hay chia có dư? - GV cho HS làm phần b,c sau đó yêu cầu học sinh so sánh số chia và số dư.</p> <p>*Nêu: Số dư trong phép chia bao giờ cũng nhỏ hơn số chia.</p> <p style="text-align: center;">Bài 2</p> <p>- Hướng dẫn các em kiểm tra các phép tính chia trong bài, muốn biết phép tính đó đúng hay sai, các em cần thực hiện lại từng phép tính và so sánh các bước tính , so sánh kết quả phép tính của mình với bài tập. - Cho hai đội thi điền đúng.</p> <p style="text-align: center;">Bài 3</p> <p>- Yêu cầu học sinh quan sát hình và trả lời câu hỏi: + Hình nào đã khoanh vào một phần hai số ô tô? Vì sao?</p> <p>4. Củng cố – Dặn dò:</p> <p>- Yêu cầu học sinh về nhà luyện tập thêm về phép chia số có 2 chữ số cho số có một</p>	<p>- Thực hành chia 9 chấm tròn thành 2 nhóm: mỗi nhóm được nhiều nhất 4 chấm tròn và còn thừa ra 1 chấm tròn.</p> $\begin{array}{r} 9 \mid 2 \quad * 9 \text{ chia } 2 \text{ được } 4 \text{ viết } 4 \\ 8 \overline{) 4} \quad * 4 \text{ nhân } 2 \text{ bằng } 8 ; 9 \text{ trừ} \\ 1 \quad \quad \quad 8 \text{ bằng } 1 \end{array}$ <p>- Học sinh lên bảng làm phần a Học sinh cả lớp làm bảng con.</p> $\begin{array}{r} 12 \mid 6 \quad * 12 \text{ chia } 6 \text{ được } 2 \text{ viết } 2 \\ 12 \overline{) 2} \quad * 2 \text{ nhân } 6 \text{ bằng } 12; \\ 0 \quad \quad \quad 12 \text{ trừ } 12 \text{ bằng } 0 . \end{array}$ <p>- Các phép chia trong bài toán này gọi là phép chia hết .</p> $19 : 3 = 6 \text{ (dư } 1) \quad 1 < 3$ $29 : 6 = 4 \text{ (dư } 5) \quad 5 < 6$ <p>- Học sinh cả lớp làm bài, sau đó 2 học sinh ngồi cạnh nhau đổi chéo vở để kiểm tra bài của nhau.</p> <p>- HS lên bảng điền.</p> <p>- HS quan sát hình SGK.</p> <p>- Hình a đã khoanh vào một phần hai số ô tô trong hình.</p> <p>- HS lắng nghe và ghi nhớ.</p>
---	---

<p>chữ số, nhận biết phép chia hết và phép chia có dư.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phép chia số có 2 chữ số cho số có một chữ số. - Chuẩn bị bài : Luyện tập 	
---	--

Thứ sáu ngày 15 tháng 10 năm 2016

Tập làm văn

Bài 6: **Kể lại buổi đầu em đi học**

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

- Rèn kĩ năng nói :
 - Học sinh kể lại hồn nhiên, chân thật buổi đầu đi học của mình.
- Rèn kĩ năng viết :
 - Viết lại được những điều vừa kể thành một đoạn ngắn, diễn đạt rõ ràng.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên : Sách giáo khoa
- Học sinh : Vở, sách giáo khoa

III. HOẠT ĐỘNG LÊN LỚP:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động: Hát bài hát</p> <p>2. Bài mới:</p> <p>*Giới thiệu bài: Trong tiết học hôm nay, gắn với chủ điểm Tới trường, mỗi em sẽ kể về buổi đầu đến trường của mình. Sau đó, viết lại những điều đã kể thành một đoạn văn.</p> <p>* Hướng dẫn học sinh làm bài tập.</p> <p>Bài tập 1: Kể lại buổi đầu em đi học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nêu yêu cầu: <p>Cần nhớ lại buổi đầu đi học của mình để lời kể chân thật, có cái riêng. Không nhất thiết phải kể về ngày tựu trường, có thể kể về ngày khai giảng hoặc buổi đầu cắp sách đến lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gợi ý: - Cần nói rõ buổi đầu em đến lớp là buổi sáng hay buổi chiều? + Thời tiết thế nào ? Ai dẫn em đến trường? + Lúc đầu, em ngỡ ngàng ra sao? Buổi học 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nghe giáo viên giới thiệu bài. - 1 học sinh nêu yêu cầu bài tập - HS trả lời câu hỏi của HS.

<p>đã kết thúc thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cảm xúc của em về buổi học đó? - GV cho HS kể mẫu. - GV cho HS kể theo nhóm. <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS kể trước lớp. - Cả lớp và giáo viên nhận xét. <p>Bài tập 2: Viết lại những điều em vừa kể thành một đoạn văn ngắn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhắc các em chú ý viết giản dị, chân thật những điều vừa kể. Các em có thể viết từ 5 đến 7 câu hoặc nhiều hơn. Chỉ cần viết được những đoạn văn ngắn, chân thật, đúng đề tài, đúng ngữ pháp, đúng chính tả là đạt yêu cầu. - Giáo viên mời 5 đến 7 em đọc bài. - Cả lớp và giáo viên nhận xét, rút kinh nghiệm, bình chọn những người viết tốt nhất. <p>4. Củng cố – Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV khái quát nội dung bài tuyên dương và nhận xét chung tiết học. - Về nhà hoàn chỉnh bài viết ở lớp. - Chuẩn bị bài : Nghe, kể : Không nở nhìn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Một học sinh \ kể mẫu - Từng cặp học sinh kể cho nhau nghe về buổi đầu đi học của mình. - HS kể trước lớp. <ul style="list-style-type: none"> - Một học sinh đọc yêu cầu: Viết lại những điều em vừa kể thành một đoạn văn ngắn từ 5 đến 7 câu. - Học sinh viết những điều mình biết vào vở. - Học sinh viết xong, vài học sinh đọc bài cho cả lớp tham khảo và nêu nhận xét. - HS lắng nghe, ghi nhớ.
---	--

Toán

Luyện tập

Bài 30:

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Thực hiện phép tính chia số có hai chữ số cho số có một chữ số, nhận biết phép chia hết và phép chia có dư.

2. Kỹ Năng:

- Giải bài toán có liên quan đến tìm một phần ba của một số. Mối quan hệ giữa số dư và số chia (Số dư luôn nhỏ hơn số chia)

3. Thái độ :

- Thành thạo và tính cẩn thận khi làm bài.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Sách giáo khoa

2. Học sinh: Vở, bảng con, sách giáo khoa.

III. HOẠT ĐỘNG LÊN LỚP:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động: Hát bài hát</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <p>3. Bài mới:</p> <p>*Giới thiệu bài: Tiết hôm nay, các em sẽ củng cố về cách thực hiện chia số có hai chữ số cho số có một chữ số.</p> <p>*Hoạt động: Hướng dẫn luyện tập</p> <p style="text-align: center;">Bài 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh tự làm bài. - Gọi HS lên bảng làm. - Yêu cầu từng học sinh vừa lên bảng nêu rõ cách thực hiện phép tính của mình. Học sinh cả lớp theo dõi để nhận xét bài của bạn. - Tìm các phép tính chia hết trong bài. - Giáo viên chữa bài và nhận xét bài. <p style="text-align: center;">Bài 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên ghi bảng - Gọi HS lên bảng làm bài. - Nhận xét sửa chữa. <p style="text-align: center;">Bài 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 học sinh đọc đề bài. - Nêu cách tìm một phần bằng nhau của một số. - Yêu cầu học sinh suy nghĩ và tự làm bài. - Giáo viên chữa bài và nhận xét bài. <p style="text-align: center;">Bài 4</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 học sinh đọc đề bài. - Trong phép chia, khi số chia là 3 thì số dư có thể là số nào? 	<p>- Học sinh nghe giáo viên giới thiệu bài.</p> <p>- Học sinh đọc yêu cầu của bài.</p> <p>- 4 học sinh lên bảng làm bài, học sinh cả lớp làm bài vào vở.</p> <p>Học sinh</p> $\begin{array}{r l} 17 & 2 \\ \hline 16 & 8 \\ \hline 1 & \end{array}$ <p>*17 chia 2 được 8, viết 8</p> <p>*8 nhân 2 được 16, 17 trừ 16 bằng 1</p> <p>- Các phép tính trong bài đều là các phép tính có dư, không có phép tính nào là phép tính chia hết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đặt tính rồi tính. - Làm bài và sửa chữa. - HS đọc đề bài. - Học sinh lên bảng làm bài, học sinh cả lớp làm bài vào vở. <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Số học sinh giỏi là:</p> $27 : 3 = 9 \text{ (học sinh)}$ <p>Đáp số : 9 học sinh</p> <p>- Trong phép chia khi số chia là 3 thì số dư có thể là 0, 1, 2</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Có số dư lớn hơn số chia không? - Vậy trong các phép chia với số chia là 3 thì số dư lớn nhất là số nào? - Vậy khoanh tròn vào chữ nào? - GV cho HS khoanh thi theo nhóm. - Nhận xét sửa chữa. <p>4. Củng cố - Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét chung tiết học - Về nhà luyện tập thêm về các phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số, phép chia hết và phép chia có dư. - Chuẩn bị bài : Bảng nhân 7. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có số dư lớn hơn số chia. - Trong các phép chia với số chia là 3 thì số dư lớn nhất là số 2 - Khoanh tròn vào chữ B - HS lắng nghe, ghi nhớ.
---	---

Sinh hoạt ngoài giờ.

I Mục tiêu:

- Nhận xt hoạt động tuần 6.
- Triển khai kế hoạch tuần 7.
- Văn nghệ, trị chơi tập thể.

II. Nội dung:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Nhận xét tuần 6.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho đại diện các tổ trưởng báo cáo các hoạt động trong tuần 6. - Cho chủ tịch hội đồng tự quản nhận xét hoạt động của lớp trong tuần 6. - GV cho cá nhân học sinh nhận xét hoạt động của các bạn trong tuần 6. - GV nhận xét chung. - Tuyên dương khen ngợi HS có thành tích trong học tập. - Phê bình rút kinh nghiệm HS vi phạm nội quy. <p>2. Kế hoạch tuần 7.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ổn định nề nếp lớp. - Luyện đọc, luyện viết ôn bảng nhân chia đã học. - Học nhóm. - Vệ sinh trường lớp. <p>3. Chơi trị chơi:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ trưởng báo cáo. - Chủ tịch hội đồng báo cáo. - Cá nhn báo cáo. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS lắng nghe và thực hiện.

<ul style="list-style-type: none">- Cho học sinh chơi trị chơi(Tôi bảo)- GV hướng dẫn học sinh chơi.- Cho hs chơi.- Nhận xt tổng kết .	
---	--

	Trình duyệt tuần 6

hoc360.net

Luyện thm Tôn
Luyện tập

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- củng cố về thực hiện phép tính chia số có hai chữ số cho số có một chữ số, nhận biết phép chia hết và phép chia có dư.

2. Kỹ Năng:

- HS Giải bài toán có liên quan đến tìm một phần ba của một số. Mối quan hệ giữa số dư và số chia (Số dư luôn nhỏ hơn số chia)

3. Thái độ :

- Thành thạo và tính cẩn thận khi làm bài.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Bi soạn

2. Học sinh: Vở, bảng con,

III. HOẠT ĐỘNG LÊN LỚP:

1. Khởi động: Hát bài hát

2. Bài mới:

***Giới thiệu bài:** Tiết hôm nay, các em sẽ củng cố về cách thực hiện chia số có hai chữ số cho số có một chữ số.

***Hoạt động:** Hướng dẫn luyện tập

- Chia nhóm đối tượng giao bài tập.

Bài 1(SCCKTKN – 29)

Bài 2(SCCKTKN – 29)

Bài 4(SCCKTKN – 30)

*HS kh giỏi lm thm bi tập:

Tìm hai số biết tổng của hai số bằng 13 v tích hai số bằng 12.

- Yêu cầu học sinh suy nghĩ và tự làm bài.

- Giáo viên chữa bài và nhận xét bài.

4. Củng cố - Dặn dò:

- Giáo viên nhận xét chung tiết học

Luyện thm Toán

Luyện tập.

Tiết 4:

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức :

- Củng cố kỹ năng nhn chia số cũ hai chữ số với số cũ một chữ số.

- Củng cố dạng toán tìm một phần bằng nhau của một số.

2. Kỹ Năng:

- Áp dụng kiến thức đ học để giải bài toán có lời văn.

3. Thái độ:

- Học sinh ham thích học toán.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Sách củng cố kỹ năng lớp 3.
2. Học sinh: Vở .

III. HOẠT ĐỘNG LÊN LỚP:

1. Bài mới.

A/ *Giới thiệu bài:*

B/ *Hướng dẫn luyện tập.*

Bài 1. Tính BTCC - 26 .

Bài 2. Tính BTCC - 26 .

Bài 3. Tính BTCC - 27 .

* Bài tập: Điền dấu phép tính thích hợp vào ô trống:

$$5 \quad \square \quad 2 \quad \square \quad 3 \quad \square \quad 4 = 22$$

Bài 4- BTCC - 27.

- GV nêu đề bài.
- Chia nhĩm giao việc?
- GV gọi HS lên bảng làm bài.
- Nhận xét bài.

C/ *Củng cố – Dặn dò:*

- GV tổng kết khắc su kiến thức.
 - Nhắc HS luyện tập thêm về các bảng nhân.
 - Chuẩn bị bài sau.
-
-

Luyện thm tiếng việt

Củng cố: Kể lại buổi đầu em đi học

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Rèn kĩ năng nói :
 - Rn học sinh kể lại hồn nhiên, chân thật buổi đầu đi học của mình.
2. Rèn kĩ năng viết :
 - Viết lại được những điều vừa kể thành một đoạn ngắn, diễn đạt rõ ràng.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên :Sách giáo khoa
2. Học sinh :Vở, sách giáo khoa

III. HOẠT ĐỘNG LÊN LỚP:

Hoạt động 1 : Kể lại buổi đầu em đi học.

- Gv cho HS nhắc lại cch kể.
- Gọi HS gọi kể mẫu.
- Cho HS kể nhóm đôi.
- Gọi HS lần lượt kể.

Hoạt động 2 : Viết lại buổi đầu em đi học.

- GV khuyến khích học sinh kh giỏi sử dụng hình ảnh so sánh để viết đoạn văn.
- Gọi HS đọc bài và nhận xét.

=====

=====

hoc360.net